TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST.
Ngày 24-3-2021.
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Văn Dá.

- Ông Nguyễn Thành Dân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXX-DS ngày 03 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Thạch Thị Sà Q, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện TH, tỉnh Sóc Trăng

- *Bị đơn:* Ông Lý T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện TH, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2020 cũng như tại phiên toà nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Sà Q và ông Lý T cưới nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cải vã, nguyên nhân do tính cách hai người không hoà hợp, sau khi cưới được 3 – 4 tháng là bà và ông T không còn chung sống với nhau cho đến nay. Bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: không có; Tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn ông Lý T không có văn bản cung cấp lời khai:

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Toà án tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham gia phiên toà đối với bị đơn ông Lý T lần thứ hai nhưng ông T đều vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Sà Q và ông Lý T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng qua lời trình bày của nguyên đơn cũng như qua kết quả xác minh cho thấy trong quá trình chung sống bà Q và ông T có phát sinh mâu thuẫn, do tính cách không hoà hợp dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau. Từ khi bà Q yêu cầu ly hôn cho đến nay ông T không đến để hòa giải, cũng không có văn bản phản đối việc ly hôn. Như vậy cho thấy giữa vợ chồng đến nay vẫn không hoà hợp được, kéo dài là không thể mang lại hạnh phúc, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho bà Q được ly hôn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nợ chung, về tài sản sản chung, bị đơn không có văn bản tranh chấp, yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Thạch Thị Sà Q là người khởi kiện nên phải chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Thạch Thị Sà Q được ly hôn với ông Lý T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn bà Thạch Thị Sà Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 0008232 ngày 30/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, bà Q đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy Ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Trịnh Thị Bích Phượng